Vật lý - Bài trắc nghiệm Vật lý - Đây là bản tớ đánh lại đầy đủ từ 6 ảnh + giải luôn

Câu 1 **Trong chất rắn, các phân tử chuyển động**

A. không giới hạn.

B. xung quanh các vị trí xác định.

C. có trật tự.

D. xung quanh các vị trí không xác định.

Câu 2 **Chất lỏng có đặc điểm gì?**

A. Có hình dạng cố định.

B. Không có thể tích riêng.

C. Có thể tích riêng, không có hình dạng cố định.

D. Không có thể tích và hình dạng riêng.

Câu 3 **Chất khí có đặc điểm gì?**

A. Có thể tích và hình dạng riêng.

B. Có thể nén được dễ dàng.

C. Không chiếm toàn bộ thể tích bình chứa.

D. Các phân tử sắp xếp có trật tự.

Câu 4 **Gọi x, y và z lần lượt khoảng cách trung bình giữa các phân tử của một chất ở thể rắn, lỏng và khí. Hệ thức đúng là**

A. $z < y < x$.

B. $x < z < y$.

C. $y < x < z$.

D. $x < y < z$.

Câu 5 **Một số chất ở thể rắn như iodine (i-ốt), băng phiến, đá khô (CO_2 ở thể rắn) có thể chuyển trực tiếp sang (1) khi nó...(2). Hiện tượng trên gọi là sự thăng hoa. Ngược lại với sự thăng hoa là sự ngưng kết. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống.**

A. (1) thể lỏng; (2) toả nhiệt.

B. (1) thể hơi; (2) toả nhiệt.

C. (1) thể lỏng; (2) nhận nhiệt.

D. (1) thể hơi; (2) nhận nhiệt.

Câu 6 **Trong các trường hợp dưới đây, trường hợp nào liên quan đến sự bay hơi?**

A. Kính cửa sổ bị mờ đi trong những ngày đông giá lạnh.

B. Cốc nước bị cạn dần khi để ngoài trời nắng.

C. Miếng bơ để bên ngoài tủ lạnh sau một thời gian bị chảy lỏng.

D. Đưa nước vào trong tủ lạnh để làm đá.

Câu 7 **Nội năng của một vật là**

A. tổng động năng và thế năng của vật.

B. tổng động năng và thế năng của các phân tử cấu tạo nên vật.

C. tổng nhiệt lượng và cơ năng mà vật nhận được.

D. nhiệt lượng vật nhận được.

Câu 8 **Theo nội dung nguyên lí I nhiệt động lực học thì độ biến thiên nội năng của vật bằng**

A. tổng công và nhiệt lượng mà vật nhận được.

B. tổng nhiệt lượng mà vật nhận được.

C. tổng công mà vật nhận được.

D. hiệu số công và nhiệt lượng mà vật nhận được.

Câu 9 **Theo nguyên lí I nhiệt động lực học, biểu thức diễn tả đúng quá trình chất khí vừa nhận nhiệt vừa nhận công là?**

A. $\Delta U = A + Q; Q > 0; A < 0$.

B. $\Delta U = Q; Q > 0$.

C. $\Delta U = Q + A; Q < 0; A > 0$.

D. $\Delta U = Q + A; Q > 0; A > 0$.

Câu 10 **Trường hợp nội năng của vật bị biến đổi không phải do truyền nhiệt là:**

A. Chậu nước để ngoài nắng một lúc nóng lên.

B. Gió mùa đông bắc tràn về làm cho không khí lạnh đi.

C. Khi trời lạnh, ta xoa hai bàn tay vào nhau cho ấm lên.

D. Cho cơm nóng vào bát thì bưng bát cũng thấy nóng.

Câu 11 **Trường hợp làm biến đổi nội năng không do thực hiện công là?**

A. Đun nóng nước bằng bếp.

B. Viên bi bằng thép rơi xuống đất mềm.

C. Nén khí trong xilanh.

D. Cọ xát hai vật vào nhau.

Câu 12 **Theo Định luật I nhiệt động lực học, biểu thức nào sau đây diễn tả quá trình nung nóng khí trong một bình kín khi bỏ qua sự nở vì nhiệt của bình?**

A. $\Delta U = Q + A$

B. $\Delta U = A$

C. $\Delta U = 0$

D. $\Delta U = Q$

Câu 13 **Thả quả bóng bàn bị móp vào cốc nước nóng thì nó phồng trở lại. Hiện tượng này là do nội năng của chất khí trong quả bóng**

A. tăng lên.

B. giảm xuống.

C. không thay đổi.

D. bị mất đi.

Câu 14 **Nhiệt kế dùng để đo đại lượng nào?**

A. Khối lượng

B. Áp suất

C. Nhiệt độ

D. Thời gian

Câu 15 **Nhiệt độ cho biết điều gì sau đây?**

A. Trạng thái chuyển động của phân tử.

B. Nội năng của vật lớn hay nhỏ.

C. trạng thái cân bằng nhiệt của các vật tiếp xúc nhau.

D. khả năng truyền nhiệt của vật.

Câu 16 **Nếu hai vật có nhiệt độ khác nhau đặt tiếp xúc nhau thì quá trình truyền nhiệt giữa hai vật dừng lại khi**

A. nội năng hai vật bằng nhau.

B. nhiệt độ hai vật đạt 0°C.

C. nhiệt năng hai vật bằng nhau.

D. nhiệt độ hai vật bằng nhau.

Câu 17 **Nhiệt kế thường dùng trong y tế hoạt động dựa trên hiện tượng sự nở vì nhiệt của chất nào?**

A. Kim loại

B. Thủy tinh

C. Không khí

D. Thủy ngân

Câu 18 **Công thức nào chuyển đổi từ nhiệt độ Celsius sang nhiệt độ Kelvin?**

A. T(K) = t(°C) + 273

B. T(K) = t(°C) - 273

C. T(K) = t(°C) + 100

D. T(K) = t(°C) - 100

Câu 19 **Độ không tuyệt đối trong thang nhiệt độ Kelvin tương đương với bao nhiêu độ Celsius?**

A. 100°C

B. 0°C

C. 273,15°C

D. -273,15°C

Câu 20 **Nhiệt độ điểm ba của nước trong thang Kelvin là bao nhiêu?**

A. 100 K

B. 273,15 K

C. 373,15 K

D. 273,16 K

Câu 21 **Khi hai vật có nhiệt độ bằng nhau tiếp xúc nhau thì nhiệt năng**

A. được truyền từ vật có nội năng lớn sang vật có nội năng nhỏ.

B. được truyền từ vật có nội năng nhỏ sang vật có nội năng lớn.

C. không được truyền đi do có sự cân bằng nhiệt.

D. không được truyền đi do có nội năng bằng nhau.

Câu 22 **Độ không tuyệt đối trong thang nhiệt độ Kelvin là điểm nhiệt độ**

A. thấp nhất mà các vật có thể có được.

B. ứng với các phân tử chuyển động tối thiểu.

C. nước đá nóng chảy.

D. nước có thể tồn tại ở thể rắn, lỏng, khí.

Câu 23 **Thang nhiệt độ Celsius có đặc điểm nào sau đây?**

A. 273°C là điểm sôi của nước tinh khiết.

B. 373°C là điểm nóng chảy của nước đá.

C. 100°C là điểm sôi của nước tinh khiết ở áp suất tiêu chuẩn.

D. -273°C là điểm đông băng của nước tinh khiết ở áp suất tiêu chuẩn.

Câu 24 **Giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của nhiệt kế như hình dưới đây là**

A. 0°F đến 120°F và 1°F

B. 20°C đến 50°C và 2°C

C. 0°F đến 120°F và 2°F

D. -20°C đến 50°C và 2°C

Câu 25 **Nhiệt nóng chảy riêng của một chất là**

A. nhiệt độ nóng chảy của chất rắn

B. nhiệt lượng cần cung cấp cho vật để làm vật nóng chảy

C. nhiệt lượng cần để làm cho 1kg chất đó nóng chảy hoàn toàn ở nhiệt độ nóng chảy.

D. nhiệt lượng cần để làm cho 1kg chất đó nóng chảy hoàn toàn.

Câu 26 **Gọi Q là nhiệt lượng cần truyền cho vật có khối lượng m để làm nóng chảy hoàn toàn vật ở nhiệt độ nóng chảy của nó. Nhiệt nóng chảy riêng λ của chất đó được tính theo công thức**

A. λ = Q.m

B. λ = Q/m

C. λ = Q + m

D. λ = Q - m

Câu 27 **Trong thí nghiệm xác định nhiệt nóng chảy riêng của nước đá không cần thiết phải có dụng cụ nào sau đây?**

A. Oát kế

B. Thước mét

C. Đồng hồ bấm giây

D. Nhiệt lượng kế

Câu 28 **Trong các hiện tượng sau, hiện tượng nào liên quan đến sự nóng chảy?**

A. Đốt ngọn đèn dầu

B. Thả cục nước đá vào cốc nước

C. Đun nóng một nồi nước

D. Cho cốc nước vào tủ lạnh

Câu 29 **Đơn vị của nhiệt hoá hơi riêng**

A. J/kg

B. kg/J

C. http://J.kg

D. J

Câu 30 **Tốc độ bay hơi của nước trong một cốc hình trụ trong các trường hợp nào sau đây là lớn nhất?**

A. Cốc đựng nước nhiều.

B. Cốc đựng nước ít.

C. Cốc được đặt ngoài sân nắng.

D. Cốc được đặt trong nhà.

Câu 31 **Trong các trường hợp phơi quần áo sau đây, trường hợp nào quần áo lâu khô nhất?**

A. Có gió, quần áo căng ra.

B. Quần áo không căng ra, không có gió.

C. Không có gió, quần áo căng ra.

D. Quần áo không căng ra, có gió.

Câu 32 **Nhiệt hoá hơi riêng là thông tin cần thiết trong việc thiết kế thiết bị nào sau đây?**

A. Máy biến áp

B. Nhiệt kế

C. Quạt điện

D. Điều hoà

Câu 33 **Nhiệt hoá hơi riêng của một chất lỏng là nhiệt lượng cần:**

A. cung cấp cho một lượng chất lỏng hoá hơi hoàn toàn ở nhiệt độ không đổi.

B. cung cấp cho một kilogam chất rắn hoá hơi hoàn toàn ở nhiệt độ không đổi.

C. để làm cho một kilogam chất lỏng đó hoá hơi hoàn toàn ở nhiệt độ xác định.

D. để làm cho một kilogam chất đó hoá hơi hoàn toàn ở nhiệt độ xác định.

Câu 34 **Xác định nhiệt lượng mà nước trong bình nhiệt lượng kế thu được trong tiến hành thí nghiệm xác định nhiệt hoá hơi riêng của nước bằng cách.**

A. Xác định công suất trung bình của nguồn điện bằng oát kế.

B. Xác định công suất trung bình của nguồn điện bằng oát kế và thời gian.

C. Xác định nhiệt độ và khối lượng của nước.

D. Xác định nhiệt độ của nước và thời gian.

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

Luyện thêm cùng khóa học:

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — baitracnghiem.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — baitracnghiem.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

diemdanh.app